Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2486 /QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Kết luận số 76-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

Căn cứ Kết luận số 156-KL/TW ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW;

Căn cứ Nghị quyết số 162/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" (sau đây gọi là Chiến lược) gồm các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát huy tối đa nguồn lực văn hóa, con người Việt Nam; góp phần quan trọng tạo sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, toàn xã hội và là đầu tư cho sự phát triển bền vững đất nước; bảo đảm hài hòa giữa các mục tiêu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ngoại giao, khoa học kỹ thuật.

3. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam với tư duy sắc bén, hành động sắc sảo, lựa chọn tinh hoa, đột phá phát triển; các sản phẩm công nghiệp văn hóa đáp ứng yếu tố đổi mới, sáng tạo, bản sắc, độc đáo, chuyên nghiệp, lành mạnh, cạnh tranh, bền vững trên nền tảng dân tộc, khoa học, đại chúng.

4. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm các ngành công nghiệp văn hóa nhằm tập trung nguồn lực từ Nhà nước và xã hội để khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng ngành, lĩnh vực, các giá trị đặc trưng, tiêu biểu của từng vùng, miền, địa phương; chú trọng phát triển công nghiệp giải trí gắn với văn hóa.

5. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam dựa trên ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; gắn với thúc đẩy, tăng cường giá trị trải nghiệm của công nghiệp giải trí theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, cạnh tranh, đa dạng hóa, liên kết đa ngành, đa lĩnh vực.

6. Có giải pháp đột phá phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, trong đó ưu tiên đầu tư về vốn, hạ tầng, công nghệ hiện đại, chuyển đổi số, xem xét ưu đãi về thuế và các ưu đãi khác nhằm góp phần xây dựng, phát triển thị trường văn hóa phù hợp xu thế của thời đại, tạo ra những sản phẩm công nghiệp văn hóa, giải trí chất lượng và giàu bản sắc Việt Nam.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam gồm: (1) Điện ảnh; (2) Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; (3) Nghệ thuật biểu diễn; (4) Phần mềm và các trò chơi giải trí; (5) Quảng cáo; (6) Thủ công mỹ nghệ; (7) Du lịch văn hóa; (8) Thiết kế sáng tạo; (9) Truyền hình và phát thanh; (10) Xuất bản, là những ngành tạo ra các sản phẩm kết hợp yếu tố văn hóa, sáng tạo, công nghệ và quyền sở hữu trí tuệ, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, hưởng thụ văn hóa của người dân và phù hợp với mục tiêu hội nhập quốc tế, phát triển bền vững đất nước.

Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trở thành các ngành kinh tế quan trọng, phấn đấu tăng trưởng ở mức cao và gia tăng kim ngạch xuất khẩu những sản phẩm công nghiệp văn hóa thuộc các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm; góp phần quảng bá, lan tỏa các giá trị lịch sử, văn hóa, con người Việt Nam và khẳng định thương hiệu, vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Phát triển công nghiệp giải trí đáp ứng nhu cầu giải trí đa dạng của người dân và du khách; tăng cường kết nối cộng đồng, tôn vinh các giá trị truyền thống và xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp giải trí ra thế giới.

2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Chỉ tiêu chung

- Các ngành công nghiệp văn hóa đạt tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 10%/năm và đóng góp 7% GDP của đất nước.

- Lực lượng lao động trong các ngành công nghiệp văn hóa bình quân tăng 10%/năm, chiếm tỷ trọng 6% trong tổng lực lượng lao động của nền kinh tế.

- Tốc độ tăng trưởng về số lượng các cơ sở kinh tế hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hóa bình quân đạt 10%/năm.

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng về giá trị xuất khẩu của các ngành công nghiệp văn hóa bình quân đạt 7%/năm.

- Phấn đấu phần lớn các trung tâm công nghiệp văn hóa, không gian sáng tạo, khu công nghiệp văn hóa, trung tâm, tổ hợp, khu phức hợp không gian sáng tạo được quy hoạch đồng bộ, đầu tư hiện đại, khai thác các giá trị đặc sắc, độc đáo, gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm của địa phương, quốc gia.

- Phấn đấu có từ 5 đến 10 thương hiệu quốc gia trong các ngành công nghiệp văn hóa trọng tâm, trọng điểm và khẳng định được giá trị thương hiệu trên thị trường quốc tế.

b) Chỉ tiêu từng ngành

- Điện ảnh: Phấn đấu tỷ lệ tăng trưởng trung bình đạt 10,13%/năm, doanh thu đạt khoảng 12,5 nghìn tỷ đồng (tương đương 500 triệu USD).

- Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm: Phấn đấu doanh thu đạt khoảng 3,1 nghìn tỷ đồng (tương đương 124 triệu USD).

- Nghệ thuật biểu diễn: Phấn đấu tỷ lệ tăng trưởng trung bình đạt 7%/năm, doanh thu đạt 10,834 nghìn tỷ đồng (tương đương 430 triệu USD).

- Phần mềm và các trò chơi giải trí: Phấn đấu doanh thu về công nghiệp phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin đạt khoảng 1.260 nghìn tỷ đồng (tương đương 50 tỷ USD); doanh thu về công nghiệp trò chơi điện tử trên mạng trong nước đạt khoảng 25 nghìn tỷ đồng (tương đương 1 tỷ USD); xếp hạng thứ 3 về doanh thu toàn ngành trong khu vực Đông Nam Á.

- Quảng cáo: Phấn đấu doanh thu (trên truyền hình, đài phát thanh, báo, tạp chí, internet, quảng cáo ngoài trời) đạt khoảng 80 nghìn tỷ đồng (tương đương 3,2 tỷ USD).

- Thủ công mỹ nghệ: Phấn đấu kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 150 nghìn tỷ đồng (tương đương 6 tỷ USD); thu hút khoảng 200 nghìn lao động thường xuyên.

- Du lịch văn hóa: Phấn đấu doanh thu chiếm 25% trong tổng thu từ khách du lịch, đạt khoảng 775 nghìn tỷ đồng (tương đương 31 tỷ USD).

- Thiết kế sáng tạo: Phấn đấu doanh thu từ thị trường thiết kế đạt giá trị khoảng 50 nghìn tỷ đồng (tương đương 2 tỷ USD).

- Truyền hình và phát thanh: Phấn đấu doanh thu toàn ngành đạt 32 nghìn tỷ đồng (tương đương 1,3 tỷ USD), trong đó, dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đạt 16 nghìn tỷ đồng (tương đương 650 triệu USD), doanh thu của các cơ quan phát thanh, truyền hình đạt 16 nghìn tỷ đồng (tương đương 650 triệu USD). Hình thành, phát triển ít nhất 01 tổ hợp báo chí truyền thông, 02 cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện lĩnh vực phát thanh, truyền hình.

- Xuất bản: Phấn đấu tăng trưởng doanh thu hằng năm đạt 4,5% - 5%; tỷ lệ bản sách/người đạt 6 - 6,5 bản/người; xuất bản phẩm điện tử chiếm khoảng 20 - 30% số đầu sách. Việt Nam trong nhóm 3 nước có ngành xuất bản phát triển, nhóm 4 nước có ngành công nghiệp in phát triển trong khu vực Đông Nam Á.

3. Mục tiêu đến năm 2045

Phấn đấu các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam phát triển bền vững, trong đó doanh thu đóng góp 9% GDP của đất nước, lao động chiếm tỷ trọng 8% trong tổng lực lượng lao động của nền kinh tế, quy mô các sản phẩm công nghiệp văn hóa số chiếm tỷ trọng trên 80% sản phẩm công nghiệp văn hóa, tăng trưởng về giá trị xuất khẩu của các ngành công nghiệp văn hóa đạt 9%/năm và trở thành quốc gia phát triển về công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí trong khu vực Châu Á, khẳng định vị thế của Việt Nam trên bản đồ công nghiệp văn hóa thế giới.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa phù hợp với tiềm năng, lợi thế, quy hoạch phát triển của địa phương, phù hợp với đơn vị hành chính cấp tỉnh được sắp xếp theo quyết định của cấp có thẩm quyền; phát triển theo các vùng kinh tế trọng điểm; lựa chọn một số tỉnh, thành phố hoặc địa bàn có điều kiện thuận lợi giữ vai trò trung tâm kết nối, tạo động lực phát triển công nghiệp văn hóa trong cả vùng, khu vực; tăng cường tính liên kết vùng, địa phương, hệ thống hạ tầng và các thiết chế văn hóa.

2. Phát triển các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hóa, tạo hệ sinh thái liên kết mang tính chuyên nghiệp, đồng bộ giữa sáng tạo, sản xuất, kinh doanh, quảng bá, tiêu dùng kết hợp với bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Xây dựng các trung tâm phân phối, đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp văn hoá, chú trọng các thị trường sẵn có và mở rộng ra các thị trường tiềm năng trong nước và quốc tế.

3. Giai đoạn đến năm 2030, các sản phẩm công nghiệp văn hóa của Việt Nam tập trung đáp ứng thị trường trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu, trước mắt chú trọng thị trường nước ngoài có đông người Việt Nam. Giai đoạn đến năm 2045, phát huy tối đa tính chuyên nghiệp, sáng tạo, sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp văn hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế.

4. Tập trung phát triển trọng tâm, trọng điểm 06 ngành công nghiệp văn hóa, hình thành kết nối, gia tăng giá trị sản phẩm, thúc đẩy khả năng khai thác và chuyển hóa các giá trị văn hóa trở thành sức mạnh mềm quốc gia.

(1) Điện ảnh: Phát triển phim Việt Nam, ưu tiên các loại hình phim truyện, phim hoạt hình. Tăng cường khai thác các yếu tố văn hóa, lịch sử, đất nước, con người, danh lam thắng cảnh... để kết nối phát triển du lịch và các sản phẩm công nghiệp văn hóa, chú trọng đầu tư sáng tác kịch bản phim. Thu hút các đoàn làm phim quốc tế đến Việt Nam hợp tác, liên kết, nâng cao chất lượng sản xuất phim. Phim truyện chiếm thị phần lớn của phim chiếu rạp và phim truyền hình (trên 50% tại thị trường điện ảnh Việt Nam). Sản xuất phim hoạt hình ứng dụng công nghệ 2D, 3D, phim hoạt hình tĩnh (stop motion),

xây dựng ngân hàng nhân vật hoạt hình IP của Việt Nam để gia tăng giá trị thương hiệu cho sản phẩm. Tăng cường sản xuất các bộ phim truyện, phim hoạt hình xuất khẩu ra thị trường quốc tế qua nhiều loại hình phân phối.

(2) Nghệ thuật biểu diễn: Ưu tiên phát triển loại hình âm nhạc đương đại và một số loại hình nghệ thuật truyền thống phù hợp với nhu cầu của thị trường. Ứng dụng công nghệ hiện đại trong âm nhạc và một số loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống để tăng giá trị trải nghiệm cho công chúng, khách du lịch trong nước và quốc tế. Nâng cao chất lượng, số lượng và quy mô các chương trình biểu diễn âm nhạc, biểu diễn nghệ thuật, đặc biệt là những lễ hội âm nhạc đáp ứng nhu cầu của thị trường, từng bước tạo dựng thương hiệu trong khu vực và trên thế giới. Hình thành cộng đồng công chúng yêu nghệ thuật văn minh; nghệ sĩ có trách nhiệm với nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm đối với các sản phẩm sáng tạo để tôn vinh các giá trị văn hóa Việt Nam.

(3) Phần mềm và các trò chơi giải trí: Ưu tiên phát triển các loại hình trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet (game online). Phát triển ngành công nghiệp trò chơi điện tử trên mạng trở thành ngành có giá trị kinh tế cao, xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Thúc đẩy hoạt động sản xuất và phát hành trò chơi điện tử trên mạng theo hướng đa dạng hóa nội dung, có giá trị giáo dục về lịch sử, văn hóa Việt Nam. Kết nối các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng để cùng hợp tác phát triển, thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu ra thế giới các trò chơi Việt ứng dụng công nghệ tiên tiến. Tăng cường phát triển các trò chơi thể thao điện tử, các trò chơi trên thiết bị di động để cung ứng đa dạng các sản phẩm công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí cho người dân.

(4) Quảng cáo: Ưu tiên phát triển các sản phẩm quảng cáo trên nền tảng số, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, bảo đảm nội dung trung thực, sáng tạo, hấp dẫn, dễ hiểu, dễ tiếp cận và gia tăng giá trị cho các sản phẩm được quảng cáo. Đẩy mạnh loại hình quảng cáo tương tác, đặc biệt là quảng cáo giàu tính cảm xúc và tích hợp giữa các loại hình quảng cáo; đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ chiến lược như: Trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), dữ liệu lớn (Big Data)...trong quảng cáo.

(5) Thủ công mỹ nghệ: Tăng cường liên kết giữa các làng nghề thủ công mỹ nghệ, kết hợp các nguyên liệu, vật liệu tạo ra các sản phẩm mới, độc đáo, có tính nghệ thuật. Khuyến khích sử dụng nguyên liệu mới, có nguồn gốc rõ ràng, thân thiện với môi trường thay thế cho các nguyên liệu truyền thống đang dần khan hiếm. Đầu tư nghiên cứu, thiết kế các mẫu mã sản phẩm mang giá trị văn hóa truyền thống và có tính ứng dụng cao, phù hợp với thị hiếu và nhu cầu của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

(6) Du lịch văn hóa: Ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng, mang bản sắc Việt Nam, cá biệt hóa trải nghiệm của du khách, nhằm tăng giá trị các sản phẩm du lịch văn hóa và kết nối với các ngành công nghiệp văn hóa khác. Phát huy giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh, tinh hoa văn hóa ẩm thực, y dược cổ truyền, tôn vinh sự độc đáo, đặc sắc

của văn hóa bản địa trong các sản phẩm du lịch văn hóa. Xây dựng các chương trình hỗ trợ các hoạt động giải trí gắn với cộng đồng; hình thành một số khu vui chơi giải trí để phát triển kinh tế của địa phương. Gắn du lịch văn hóa với tăng trưởng xanh, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, tôn vinh các giá trị con người, đất nước Việt Nam.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ và giải pháp chung

a) Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức

- Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò quan trọng của các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí trong phát triển kinh tế - xã hội thông qua nội dung truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng và các nền tảng số.

- Xây dựng cổng/trang thông tin điện tử về các ngành công nghiệp văn hóa và kết nối, liên thông với cổng thông tin điện tử quốc gia, các kênh thông tin của địa phương, nền tảng truyền thông hiện đại và các phương tiện truyền thông có số lượng người dùng lớn.

- Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và quốc tế tham gia các hoạt động, sự kiện liên quan đến công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí tại Việt Nam và trên thế giới.

- Tăng cường truyền thông về quyền sở hữu trí tuệ để nâng cao nhận thức trong quá trình khai thác và sử dụng các sản phẩm sáng tạo, các sản phẩm công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí.

- Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến, quảng bá các sản phẩm công nghiệp văn hóa có chất lượng trên thị trường. Đẩy mạnh truyền thông các sản phẩm, số hóa nội dung văn hóa truyền thống để quảng bá các giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng về sáng tạo và hưởng thụ văn hóa.

b) Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách

- Khẩn trương xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về công nghiệp văn hóa và định hướng phát triển một số loại hình của công nghiệp giải trí. Hoàn thiện cơ sở pháp lý về chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành, địa phương trong quản lý và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí, phù hợp với quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương mới (2 cấp) trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, lĩnh vực có liên quan; rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các bộ, ngành, địa phương.

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật Bản quyền tác giả để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, thực thi, khai thác và bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan; tạo động lực sáng tạo và sản xuất các sản phẩm công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí chất lượng cao, khuyến khích cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia kinh doanh các ngành, lĩnh vực liên quan đến công nghiệp văn hóa.

- Rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật đối với từng ngành, lĩnh vực; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật đối với các ngành công nghiệp văn hóa: Điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, quảng cáo, phần mềm và các trò chơi giải trí, thủ công mỹ nghệ, du lịch văn hóa… nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là chuyển đổi số, phát triển công nghiệp công nghệ số.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan về tài chính, thuế, đầu tư, đầu tư công, đối tác công - tư,…; huy động sự tham gia đầu tư mạnh mẽ của cá nhân, doanh nghiệp vào phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí và các lĩnh vực có liên quan.

- Rà soát, nghiên cứu một số đối tượng thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển công nghiệp văn hóa để xem xét bổ sung Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và phạm vi áp dụng trong các khu công nghiệp văn hóa, trung tâm, tổ hợp, khu phức hợp không gian sáng tạo.

- Nghiên cứu, xây dựng chính sách ưu đãi phù hợp nhằm thúc đẩy đầu tư phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí thông qua chính sách thuế nhập khẩu, sử dụng đất phi nông nghiệp, thu nhập doanh nghiệp…dành cho doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư vào các ngành công nghiệp văn hóa. Tính toán mức thuế suất, thuế giá trị gia tăng thích hợp đối với các loại hàng hóa, dịch vụ của các ngành công nghiệp văn hóa theo từng giai đoạn và lĩnh vực cụ thể. Nghiên cứu chính sách sử dụng tài sản sở hữu trí tuệ để vay vốn ưu đãi cho hoạt động sáng tạo, hỗ trợ đầu tư cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp sáng tạo nhằm phát triển các sản phẩm công nghiệp văn hóa.

- Xây dựng và từng bước hoàn thiện, áp dụng hệ thống chỉ tiêu thống kê các ngành công nghiệp văn hóa để phục vụ đánh giá và hoạch định cơ chế, chính sách phát triển phù hợp theo từng giai đoạn.

- Kiên quyết rà soát, bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp với thực tiễn, giấy phép "con" theo đúng chủ trương, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền nhằm bảo đảm không tạo rào cản, hạn chế quyền kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và tạo môi trường thuận lợi, cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch.

- Tập trung hoàn thiện chính sách quản lý, sử dụng đất đai, các quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch liên quan theo hướng bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ để góp phần phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí.

- Nghiên cứu, đề xuất hình thành và liên kết các quỹ liên quan đến hỗ trợ phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí của các tổ chức, cá nhân. Tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp kết nối với các quỹ đầu tư mạo hiểm và khởi nghiệp sáng tạo. Rà soát, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch để thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam.

c) Phát triển nguồn nhân lực

- Các bộ, ngành liên quan và các địa phương khẩn trương lập chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản lý chuyên nghiệp cho các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí ở trong nước và nước ngoài.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học khẩn trương rà soát, đề xuất hoàn thiện hệ thống mã ngành đào tạo, xây dựng chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia, chuẩn chương trình đào tạo, trong đó chú trọng các ngành, lĩnh vực được xác định tại Chiến lược. Khuyến khích các cơ sở đào tạo phối hợp, liên kết với các hội, hiệp hội, doanh nghiệp tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp, chuyên sâu cho từng ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí phù hợp với nhu cầu tuyển dụng lao động từng ngành, lĩnh vực.

- Xây dựng chương trình giáo dục, hoạt động ngoại khóa ở các cấp học, chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài liên quan về công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí. Tuyển chọn những học sinh, sinh viên tài năng để đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí.

- Hình thành môi trường nuôi dưỡng, phát triển văn hóa sáng tạo, hệ sinh thái giáo dục sáng tạo gắn với thúc đẩy giáo dục mở, xây dựng nhà trường sáng tạo, hình thành thế hệ công dân sáng tạo.

- Xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, được đào tạo cơ bản, có kinh nghiệm chuyên môn từ các nước có trình độ phát triển cao về công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí đến Việt Nam làm việc.

- Xây dựng chính sách phát hiện, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh, trọng dụng nhân tài trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; điều chỉnh chế độ tiền lương, trợ cấp phù hợp đối với những người hoạt động trong các bộ môn nghệ thuật đặc thù; xây dựng chế độ khen thưởng phù hợp với những người có thành tích, cống hiến.

d) Phát triển cơ sở hạ tầng và thu hút đầu tư

- Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ để thu hút đầu tư, hình thành các trung tâm công nghiệp văn hóa tại các vùng kinh tế trọng điểm. Xây dựng mới, nâng cấp các thiết chế văn hóa để đáp ứng nhu cầu thưởng thức của người dân; chú trọng phát triển các khu, tổ hợp công nghiệp văn hóa, giải trí phù hợp tại những khu vực đã được quy hoạch để phục vụ khách du lịch trong nước và quốc tế. Các địa phương căn cứ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt khẩn trương lập kế hoạch sử dụng đất, phân bổ nguồn vốn đầu tư công để xây dựng cơ sở hạ tầng, hình thành các trung tâm công nghiệp văn hóa, khu, tổ hợp công nghiệp văn hóa, sáng tạo.

- Ưu tiên bố trí quỹ đất của trung ương và địa phương được chuyển đổi mục đích sử dụng dành cho các khu, tổ hợp công nghiệp văn hóa, sáng tạo theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

- Huy động nguồn vốn trong và ngoài nước để triển khai các dự án hỗ trợ hoạt động sáng tạo, hình thành các không gian văn hóa và hỗ trợ khởi nghiệp về công nghiệp văn hóa. Đầu tư và phát triển các khu, tổ hợp phục vụ cho hoạt động thể thao giải trí, sự kiện âm nhạc, nghệ thuật, điện ảnh quy mô lớn, đồng thời phát triển các sản phẩm từ hoạt động giải trí, như: Trang thiết bị thể thao, văn hóa, thời trang, phụ kiện... nhằm mang lại giá trị gia tăng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Sử dụng nguồn ngân sách nhà nước để đầu tư về hạ tầng, xúc tiến quảng bá, đào tạo nguồn nhân lực trong các ngành công nghiệp văn hóa theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên sử dụng nguồn ngân sách từ Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035.

- Đầu tư hạ tầng công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số trong các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí. Lập phương án đầu tư tổng thể, dài hạn để xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghiệp văn hóa. Nghiên cứu, đề xuất khai thác các loại tài sản số, phát triển các nền tảng trực tuyến phục vụ sáng tạo; phát triển những sản phẩm công nghiệp văn hóa số, công nghiệp giải trí phù hợp với xu thế toàn cầu.

- Hình thành các trung tâm khởi nghiệp, sáng tạo về lĩnh vực điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, phần mềm và các trò chơi giải trí... để nghiên cứu, đánh giá xu hướng phát triển trên thế giới nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp văn hóa.

- Đa dạng hóa mô hình tổ chức và sở hữu để khuyến khích đầu tư tư nhân, huy động hiệu quả nguồn vốn và mọi nguồn lực xã hội tham gia phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí, trong đó phát triển các sản phẩm mà Việt Nam có thế mạnh.

đ) Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia gắn với hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ; từng bước làm chủ công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất các sản phẩm công nghiệp văn hóa chủ lực. Có chính sách mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện Việt Nam và tăng cường tích hợp các công nghệ hiện đại trong quá trình sản xuất các sản phẩm công nghiệp văn hóa, như: AI (trí tuệ nhân tạo), Big Data (dữ liệu lớn), Blockchain (chuỗi khối), IoT (Internet kết nối vạn vật), VR (thực tại ảo), AR (thực tại tăng cường), XR (thực tế mở rộng), Digital Twin (bản sao số)...

- Nâng cao tỷ lệ số hóa các di sản văn hóa, tư liệu văn hóa, nghệ thuật, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghiệp văn hóa để các nghệ sĩ, nhà thiết kế, người làm sáng tạo thực hiện ý tưởng sáng tạo dựa trên các giá trị văn hóa truyền thống, góp phần tăng sự hiểu biết, yêu thích và lan tỏa văn hóa Việt Nam.

- Ứng dụng công nghệ và thiết bị hiện đại để tăng khả năng sản xuất các sản phẩm công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí; đầu tư cho các ngành công nghiệp phụ trợ để nâng cao chất lượng, giá trị các sản phẩm công nghiệp văn hóa, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu và lập bản đồ số về các ngành công nghiệp văn hóa. Tăng cường ứng dụng công nghệ để hình thành hệ thống hỗ trợ quản lý chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- Nghiên cứu xây dựng nền công nghiệp văn hóa số, công nghiệp giải trí số đáp ứng mục tiêu đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, phù hợp với yêu cầu phát triển công nghiệp công nghệ số.

- Xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu các ngành công nghiệp văn hóa với cơ sở dữ liệu quốc gia; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sàn giao dịch sản phẩm các ngành công nghiệp văn hóa.

- Hỗ trợ, hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghiệp văn hóa số để phát triển hạ tầng số, chuyển đổi số, tài sản ảo đối với các lĩnh vực công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí. Thúc đẩy doanh nghiệp tái đầu tư hạ tầng, đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D) trong các ngành công nghiệp văn hóa.

e) Phát triển thị trường và sản phẩm

- Nghiên cứu thị trường và xu hướng toàn cầu, trong đó đánh giá nhu cầu tiêu dùng để định hướng phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí của Việt Nam đáp ứng nhu cầu của người dân, chiếm lĩnh thị phần nội địa,

đồng thời tăng cường khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường quốc tế đối với các sản phẩm văn hóa, giải trí chất lượng cao, mang yếu tố văn hóa Việt Nam.

- Gắn kết các sản phẩm công nghiệp văn hóa với hàng hóa, dịch vụ khác để gia tăng giá trị thương mại và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Khuyến khích sáng tạo, sản xuất các sản phẩm công nghiệp văn hóa kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và hiện đại.

- Đề xuất cơ chế hỗ trợ đặt hàng phù hợp đối với các kênh chương trình phát thanh, truyền hình; kết nối, đẩy mạnh hoạt động liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và các cơ quan phát thanh, truyền hình để sản xuất, phát triển nội dung giải trí theo yêu cầu.

- Nghiên cứu, xây dựng mô hình kết nối đồng bộ tất cả các khâu từ sản xuất, quảng bá, phân phối, cung ứng sản phẩm và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ để hình thành hệ sinh thái các ngành công nghiệp văn hóa. Hình thành cộng đồng người tiêu dùng các sản phẩm công nghiệp văn hóa của Việt Nam.

- Tăng cường kết nối các doanh nghiệp sản xuất với các kênh phân phối trực tiếp và trực tuyến (nền tảng số) để quảng bá và tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp văn hóa của Việt Nam, tiến tới chiếm lĩnh thị trường trong nước và tăng cường xuất khẩu ra thế giới.

- Nâng cao chất lượng kiểm định, bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế để mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp văn hóa của Việt Nam ra thế giới.

- Cung cấp các gói tư vấn, hỗ trợ tài chính và đào tạo nguồn lực cho tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực công nghiệp văn hóa, đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, giúp nâng cao năng lực sản xuất, quản lý và quảng bá sản phẩm.

- Nghiên cứu, xây dựng sàn giao dịch trực tuyến cho một số sản phẩm công nghiệp văn hóa (bao gồm tài sản ảo trên môi trường điện tử) và hàng hóa truyền thống Việt Nam để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thị trường và quảng bá sản phẩm đến người tiêu dùng trong nước và quốc tế.

- Tăng cường hợp tác, xúc tiến thương mại, tham gia các diễn đàn kết nối, hội chợ, triển lãm… để tăng cường giới thiệu, quảng bá, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm công nghiệp văn hóa, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu, nâng tầm giá trị các sản phẩm công nghiệp văn hóa của Việt Nam.

- Hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các lĩnh vực có tiềm năng phát triển, tạo kết nối đa dạng trong hệ sinh thái các ngành công nghiệp văn hóa. Hình thành một số doanh nghiệp lớn, dẫn đầu về phát triển công nghiệp văn hóa, kinh doanh các sản phẩm công nghiệp giải trí, đáp ứng

nhu cầu trong nước và tăng cường xuất khẩu, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

- Nghiên cứu, xây dựng các sản phẩm, dịch vụ giải trí có nội dung thể hiện khả năng sáng tạo, phát huy năng lực bản thân, như: Các chương trình thể thao trí tuệ, mạo hiểm, đối kháng, điện tử (e-sports); chương trình giải trí tại các khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, công viên; các sự kiện festival âm nhạc, điện ảnh, biểu diễn nghệ thuật, lễ hội văn hóa; chương trình giải trí trên truyền hình thực tế và các loại hình giải trí khác theo quy định của pháp luật (bao gồm vui chơi có thưởng thỏa mãn nhu cầu văn hóa, kinh tế của con người).

- Lựa chọn một số môn thể thao phù hợp với văn hóa, xã hội, môi trường phát triển của Việt Nam để mở rộng, tăng cường kết nối cộng đồng, thỏa mãn nhu cầu giải trí của người dân.

- Chú trọng phát triển các sản phẩm công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí số, như: Phim truyện, âm nhạc, nghệ thuật biểu diễn, chương trình truyền hình… Ứng dụng các công nghệ hiện đại (AI, Big Data, 4D, VR, AR, XR,…) để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường trải nghiệm và đáp ứng nhu cầu giải trí.

- Tăng cường phát triển các sản phẩm công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí trên các nền tảng đa phương tiện phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

g) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế

- Tăng cường, mở rộng giao lưu, trao đổi, hợp tác về công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí với các quốc gia, tổ chức trong khu vực và trên thế giới; tham gia các diễn đàn song phương và đa phương quan trọng.

- Đẩy mạnh các hoạt động trao đổi, bồi dưỡng, cử thực tập sinh, cán bộ làm việc tại các tổ chức, hội, hiệp hội, cơ quan quốc tế về công nghiệp văn hóa.

- Khuyến khích tham gia tích cực vào các hoạt động hợp tác quốc tế với tư cách là thành viên của các mạng lưới quốc tế về văn hóa, nghệ thuật, như: Mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO, mạng lưới các không gian sáng tạo...

- Thúc đẩy giao lưu, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp quốc tế để tăng cường sản xuất các sản phẩm công nghiệp văn hóa chất lượng cao, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Tăng cường kết nối, tổ chức thường niên các sự kiện, chương trình, hoạt động giao lưu văn hóa, nghệ thuật quốc tế tại các địa phương để quảng bá, xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm công nghiệp văn hóa của Việt Nam.

h) Tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và thực thi các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm tăng cường bảo hộ sáng tạo trí tuệ đối với các sản phẩm công nghiệp văn hóa, giải trí.

- Tư vấn, hỗ trợ chuyên môn về sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong quá trình tham gia hoạt động sáng tạo liên quan đến công nghiệp văn hóa, giải trí. Tập trung hỗ trợ những sáng tạo khai thác các giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc của các dân tộc Việt Nam.

- Xây dựng cơ chế phối hợp, khai thác hiệu quả tài sản sở hữu trí tuệ giữa các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân với chủ sở hữu quyền để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí.

- Xây dựng hệ thống phần mềm phát hiện chống vi phạm bản quyền trên không gian mạng và trong môi trường kỹ thuật số để hỗ trợ hoạt động sáng tạo trong công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí. Nghiên cứu, phát triển hệ thống AI để tăng cường hiệu quả tìm kiếm, đối chiếu dữ liệu, nâng cao hiệu quả phát hiện vi phạm quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam. Tăng cường bảo hộ sáng tạo trên môi trường số để đáp ứng sự phát triển đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và xu thế của thời đại.

2. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm, trọng điểm

a) Lĩnh vực điện ảnh

- Khẩn trương hoàn thiện để bảo đảm đồng bộ các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách trong hợp tác đầu tư sản xuất, phát hành và phổ biến phim truyện, phim hoạt hình (trong đó có phim do Nhà nước đặt hàng, phổ biến phim trên không gian mạng). Nghiên cứu việc áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với sản phẩm phim, chính sách thuế phù hợp đối với doanh nghiệp, tổ chức xã hội tham gia tài trợ cho hoạt động sản xuất, phát hành, phổ biến phim truyện, phim hoạt hình. Quy định phù hợp về thuế sử dụng đất cho các cụm rạp nằm trong khu thương mại và khu phức hợp; xem xét điều chỉnh nâng tỷ lệ quy định phim Việt Nam trên hệ thống phân phối của các nhà phát hành.

- Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trong sản xuất phim sử dụng ngân sách Nhà nước. Đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ (mặt bằng, cơ sở lưu trú…) cho các đoàn làm phim. Xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp nhằm thu hút các đạo diễn, biên kịch, quay phim… có trình độ cao tham gia vào hoạt động sản xuất phim tại Việt Nam.

- Xây dựng kế hoạch, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên sâu về biên kịch, đạo diễn, diễn viên, quay phim, thiết kế mỹ thuật, âm nhạc, hóa trang, phục trang, kỹ xảo, công nghệ, lý luận phê bình, sản xuất phim,

phát hành phim, quản lý điện ảnh… đáp ứng nhu cầu phát triển của công nghiệp điện ảnh trong thời kỳ mới.

- Xây dựng trường quay quốc gia có bối cảnh nội, ngoại, dưới nước với trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, bảo đảm đáp ứng nhu cầu phục vụ khâu kỹ thuật tiền kỳ, hậu kỳ trong sản xuất phim theo công nghệ hiện đại. Các địa phương tập trung nguồn lực, khai thác tiềm năng, ưu thế về cảnh quan thiên nhiên, di sản để phát triển trường quay; hình thành không gian sáng tạo, thu hút các nhà sản xuất phim trong nước, quốc tế thực hiện các dự án phim và phát triển du lịch.

- Tổ chức thường niên, có chọn lọc các sự kiện điện ảnh quy mô quốc gia, quốc tế. Có cơ chế khuyến khích các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế ngoài nhà nước tham gia phối hợp tổ chức các sự kiện, xây dựng thương hiệu quảng bá để sự kiện trở thành điểm đến tham dự của các nhà sản xuất, nhà làm phim, nghệ sĩ nổi tiếng trong nước và quốc tế.

- Liên kết các đơn vị sản xuất phim hoạt hình ở Việt Nam, hình thành liên minh sáng tạo nội dung số để sản xuất các bộ phim hoạt hình có chất lượng cao, cạnh tranh với thị trường quốc tế.

- Tăng cường các hoạt động quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh Việt Nam trên các nền tảng số để thu hút các hãng phim, nhà sản xuất phim nổi tiếng trên thế giới tới Việt Nam đầu tư, phát triển ngành công nghiệp điện ảnh.

- Khuyến khích các sản phẩm điện ảnh sử dụng, khai thác các giá trị văn hóa để tạo ra các sản phẩm giải trí chất lượng cao, các chương trình thực tế, nội dung số đáp ứng nhu cầu giải trí của người dân.

- Phát triển các địa điểm, khu vực được lựa chọn làm bối cảnh quay phim thành điểm đến du lịch, góp phần phát triển hệ sinh thái các ngành công nghiệp văn hóa, giải trí của địa phương.

b) Lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn

- Nghiên cứu, xây dựng chính sách thuế phù hợp đối với doanh nghiệp, tổ chức xã hội tham gia tài trợ cho hoạt động sáng tác, dàn dựng, tổ chức các sự kiện âm nhạc; cơ chế, chính sách hỗ trợ (địa điểm, bảo đảm an ninh, an toàn…) để tổ chức các chương trình và sự kiện âm nhạc quy mô lớn; chính sách thuế phù hợp đối với các loại hình múa rối, nghệ thuật dân gian phục vụ khách du lịch trong nước và quốc tế. Có cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật với các tổ chức, doanh nghiệp trong việc liên kết, hợp tác, kết nối và kinh doanh.

- Xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, nhà sản xuất, tác giả, đạo diễn, nghệ sĩ tài năng tham gia sản xuất các tác phẩm, chương trình âm nhạc có chất lượng cao tại Việt Nam và đưa các

nhóm nhạc Việt Nam tham dự các sự kiện âm nhạc có thương hiệu uy tín trong khu vực và quốc tế.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà sản xuất âm nhạc tổ chức đào tạo ở trong nước hoặc liên kết với các đơn vị quốc tế có uy tín đào tạo nghệ sĩ, ban nhạc Việt đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, kỹ năng, thị hiếu để biểu diễn ở thị trường quốc tế.

- Rà soát, đề xuất theo thẩm quyền việc hoàn thiện các quy định liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công, hợp tác công - tư phù hợp thực tiễn để .khai thác, sử dụng có hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao, phục vụ tổ chức các chương trình biểu diễn, sự kiện âm nhạc.

- Tổ chức các chương trình, hoạt động nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp (cuộc thi, gala âm nhạc, chương trình nghệ thuật, sáng tác, trình diễn…) góp phần phát triển tài năng, khẳng định thương hiệu các ban nhạc, nhóm nhạc trẻ của Việt Nam.

- Áp dụng các công nghệ hiện đại để gia tăng giá trị trải nghiệm, tiêu dùng của công chúng đối với các sản phẩm âm nhạc trên các nền tảng số phục vụ nhu cầu giải trí của người dân. Xây dựng hạ tầng công nghệ trong hoạt động quảng bá và nâng cấp dịch vụ bán vé, áp dụng phương thức đặt chỗ trực tuyến thông qua hệ thống thanh toán trên môi trường mạng.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để nghiên cứu sản xuất, cung ứng các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Tạo điều kiện thuận lợi để nhập khẩu trang thiết bị hiện đại, nâng cao chất lượng và gia tăng giá trị cho các chương trình, sản phẩm công nghiệp văn hóa, giải trí của người Việt.

c) Lĩnh vực phần mềm và các trò chơi giải trí

- Rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện các quy định, cơ chế, chính sách nhằm quản lý chặt chẽ hoạt động cung cấp phần mềm và các trò chơi giải trí; cải thiện môi trường, điều kiện kinh doanh, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trên thị trường; có ưu đãi phù hợp về vốn, thuế, khuyến khích sáng tạo đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp, các doanh nghiệp đăng ký đầu tư, sản xuất tại Việt Nam trong lĩnh vực phần mềm và các trò chơi giải trí.

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể về quản lý tài sản số. Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất game ứng dụng công nghệ mới, như: Blockchain, Metaverse (Vũ trụ ảo)… để xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

- Hình thành hệ sinh thái nền tảng số Việt Nam, đáp ứng cơ bản yêu cầu chuyển đổi số, tạo lập cơ hội cho doanh nghiệp xuất khẩu phần mềm. Khuyến khích, tạo điều kiện hình thành những "kỳ lân công nghệ", doanh nghiệp phần mềm lớn để dẫn dắt thị trường, cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài.

- Phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao, được đào tạo chính quy, chuyên sâu về phần mềm và các trò chơi giải trí, đáp ứng nhu cầu về nhân sự sản xuất và phát hành trò chơi điện tử của doanh nghiệp trong và ngoài nước. Xây dựng và ban hành mã ngành, mã nghề, chương trình đào tạo nhân lực cho ngành công nghiệp trò chơi điện tử trên mạng, tập trung vào lĩnh vực thiết kế, lập trình, đồ họa, quản trị cho dự án game.

- Thúc đẩy xây dựng kho ứng dụng của Việt Nam để mở rộng kênh phân phối cho các doanh nghiệp phát hành trò chơi điện tử trên mạng nhằm giảm sự phụ thuộc vào các kho ứng dụng nước ngoài.

- Thúc đẩy thành lập Trung tâm khởi nghiệp sáng tạo ngành phần mềm, trung tâm hợp tác phát triển trò chơi điện tử của Việt Nam (ngành công nghiệp game Việt Nam) để tăng cường nghiên cứu, nắm bắt các xu hướng phát triển trên thế giới, thúc đẩy phát triển tài năng và nguồn nhân lực công nghệ cao; hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức phát triển các game Việt, trao đổi công nghệ và hợp tác quốc tế.

- Tăng cường quản lý hiệu quả về thời gian, độ tuổi chơi, nội dung phát hành tại Việt Nam để hạn chế tác động tiêu cực của game với giới trẻ. Tăng cường công tác quản lý, rà quét, phát hiện và ngăn chặn trò chơi điện tử trên mạng vi phạm pháp luật, đặc biệt là các trò chơi phát hành xuyên biên giới vào Việt Nam.

- Xây dựng cơ chế hợp tác giữa các trường đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các doanh nghiệp sản xuất, phát hành game để tư vấn chương trình đào tạo; tiếp nhận sinh viên thực tập, hỗ trợ, tư vấn cho các sinh viên có định hướng khởi nghiệp trong ngành game. Đầu tư xây dựng, nâng cấp trang thiết bị học tập liên quan đến ngành game; tăng cường hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn về công nghệ trên thế giới để hỗ trợ đào tạo, ưu tiên hình thức đào tạo trực tuyến.

- Thúc đẩy các trò chơi giải trí gắn với các môn thể thao điện tử (e-Sports) để tăng cường tính trải nghiệm trên môi trường số và cung ứng đa dạng các loại sản phẩm giải trí cho người dân.

d) Lĩnh vực quảng cáo

- Tiếp tục triển khai Chương trình thương hiệu quốc gia Việt Nam từ năm 2020 đến năm 2030, trong đó triển khai hiệu quả Đề án xây dựng, quảng bá thương hiệu quốc gia "Giải thưởng quảng cáo sáng tạo Việt Nam" và các đề án, chương trình liên quan.

- Hoàn thiện quy định về quảng cáo ngoài trời tại các địa phương trên toàn quốc để tạo không gian, nguồn tài nguyên (quỹ đất) và chủ động có kế hoạch triển khai thực hiện.

- Quy định rõ các điều kiện, yêu cầu đặc thù của loại hình quảng cáo trên môi trường số, quảng cáo xuyên biên giới; ban hành các chế tài nhằm ngăn chặn, gỡ bỏ quảng cáo vi phạm pháp luật, chống thất thu thuế, bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng; cân nhắc thời lượng quảng cáo dành cho người yếu thế, trẻ em, người cao tuổi, người có nhược điểm về thể chất, tinh thần.

- Đáp ứng mục tiêu quản lý nghiêm hoạt động quảng cáo, bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng với việc thúc đẩy sự phát triển của ngành quảng cáo trong kỷ nguyên mới; bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước, người dân và doanh nghiệp. Tuân thủ quy định về tỷ lệ diện tích, thời lượng, nội dung quảng cáo và bảo đảm công khai, minh bạch nội dung này để người dân, doanh nghiệp lựa chọn.

- Đẩy mạnh thu hút nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo nhân lực chuyên nghiệp, chất lượng cao cho ngành quảng cáo để đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghệ số và đổi mới sáng tạo. Có chế độ đãi ngộ phù hợp để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Xây dựng các chính sách ưu đãi phù hợp để khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước tăng cường đầu tư vào các hoạt động sáng tạo văn hóa, sản xuất nhiều sản phẩm quảng cáo chất lượng, mang giá trị văn hóa Việt Nam.

- Đẩy mạnh các hoạt động chuyển giao và ứng dụng công nghệ tiên tiến tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quảng cáo.

- Nghiên cứu, áp dụng cơ chế tài trợ, đấu thầu và khai thác quảng cáo ngoài trời theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng các bộ ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp và tiêu chuẩn cho ngành quảng cáo nói chung và quảng cáo số nói riêng.

- Hình thành và phát triển hệ sinh thái quảng cáo số lành mạnh, an toàn, bền vững; xây dựng cộng đồng có trách nhiệm để thúc đẩy, định hướng hoạt động sáng tạo nội dung số; khuyến khích, tạo điều kiện cho các nền tảng quảng cáo số Make in Vietnam, các doanh nghiệp quảng cáo Việt Nam phát triển, tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sản phẩm quảng cáo ra thị trường khu vực và toàn cầu.

đ) Lĩnh vực thủ công mỹ nghệ

- Triển khai có hiệu quả Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)" gắn với hoạt động truyền thông sản phẩm công nghiệp văn hóa của địa phương. Thực hiện sưu tầm, thu thập, bảo tồn bí quyết, công nghệ cổ truyền tinh xảo, độc đáo, các mẫu hoa văn truyền thống trên các sản phẩm thủ công mỹ nghệ và có hướng đổi mới, phát triển công nghệ tiên tiến, hiện đại áp dụng phù hợp với sản xuất tại làng nghề.

- Đa dạng hóa sản phẩm có tính cạnh tranh cao, thay đổi mẫu mã, thiết kế sản phẩm, bao bì, nhãn mác có yếu tố văn hóa truyền thống để tôn vinh, quảng bá văn hóa Việt Nam. Chú trọng tìm hiểu kỹ về đặc điểm của thị trường kết hợp với ý tưởng độc đáo, sáng tạo, tôn vinh các giá trị truyền thống, lồng ghép các yếu tố văn hóa Việt Nam vào thiết kế các sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Phát triển các chuỗi sản phẩm quà lưu niệm nhằm phục vụ du khách trong nước và quốc tế.

- Phát triển các thương hiệu sản phẩm chủ lực gắn với văn hóa địa phương, vùng, miền nhằm tăng khả năng nhận diện và cạnh tranh trên thị trường. Khuyến khích doanh nghiệp sản xuất sản phẩm mang giá trị văn hóa dân tộc, đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng, hình thức; định hình thị hiếu cho thị trường nội địa, khuyến khích người Việt dùng hàng Việt; tôn vinh các giá trị truyền thống, lồng ghép các yếu tố văn hóa Việt Nam vào thiết kế và sản xuất sản phẩm thủ công truyền thống.

- Tăng cường xúc tiến thương mại, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm thủ công mỹ nghệ để tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong và ngoài nước. Liên kết phát triển các trung tâm văn hóa Việt Nam tại các quốc gia nhằm giới thiệu văn hóa, nghệ thuật, trưng bày và tạo cầu nối, mở rộng thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm thủ công mỹ nghệ của Việt Nam.

- Phát triển các doanh nghiệp hàng thủ công mỹ nghệ quy mô lớn ở một số vùng, miền có đủ khả năng cạnh tranh để đáp ứng nhu cầu sản xuất và xuất khẩu của các tập đoàn bán lẻ đa quốc gia; định hướng và hỗ trợ các công ty xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ tham gia vào phân khúc thị trường cao cấp.

- Hỗ trợ thành lập các trung tâm sản xuất hàng thủ công chủ lực của Việt Nam đáp ứng các tiêu chuẩn về phát triển sản phẩm. Chú trọng xây dựng vùng nguyên liệu, sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường (vật liệu xanh); đào tạo lao động, chuyển giao công nghệ và xúc tiến thương mại.

- Hỗ trợ cộng đồng sáng tạo, nghệ nhân làng nghề, các chủ thể văn hóa bản địa tham gia sản xuất, cung ứng các sản phẩm công nghiệp văn hóa. Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với đội ngũ kế thừa, bảo tồn và phát huy nghề thủ công truyền thống; tôn vinh, duy trì và phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi để tạo nòng cốt thúc đẩy công tác đào tạo, truyền nghề; bảo tồn, phát triển kỹ năng nghề truyền thống. Thúc đẩy sáng tạo các sản phẩm mới có chất lượng cao, tạo sự quảng bá mạnh mẽ các giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam. Tổ chức các hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam, festival quảng bá và phát triển làng nghề.

e) Lĩnh vực du lịch văn hóa

- Xây dựng, hình thành và phát triển sản phẩm du lịch văn hóa, trong đó chú trọng thông qua thúc đẩy hợp tác công - tư nhằm tạo ra các sản phẩm mang tính đặc trưng, riêng biệt, cá biệt hóa, bản sắc vùng, miền, tăng giá trị trải nghiệm

của du khách và kết nối với các ngành công nghiệp văn hóa, phù hợp với nhu cầu thị trường, nâng cao khả năng cạnh tranh trong nước, quốc tế và đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững.

- Tập trung khai thác tiềm năng, thế mạnh và sự phong phú, đa dạng của ẩm thực Việt Nam (nhất là các món ăn được ghi danh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia) để xây dựng thương hiệu ẩm thực Việt Nam quảng bá ra thế giới và phát triển du lịch văn hóa. Tổ chức các sự kiện, lễ hội ẩm thực nhằm tôn vinh các giá trị văn hóa của vùng, miền, địa phương.

- Phát triển du lịch văn hóa gắn với các thành phố nằm trong Mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO ở Việt Nam. Khai thác các yếu tố đặc trưng, lồng ghép các yếu tố sáng tạo, công nghệ để hình thành các loại hình sản phẩm du lịch văn hóa độc đáo.

- Nâng cao hiệu quả đào tạo của các cơ sở, trường đào tạo nghề du lịch tại địa phương, chú trọng đào tạo về kiến thức văn hóa, kỹ năng hướng dẫn, thuyết trình về văn hóa bản địa nhằm nâng cao chất lượng hướng dẫn viên du lịch.

- Tăng cường khai thác các giá trị di sản văn hoá truyền thống trong phát triển du lịch văn hoá. Xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa 3D di sản văn hóa, ứng dụng công nghệ kỹ thuật số để tạo dựng không gian trải nghiệm du lịch văn hóa đa dạng. Hình thành các tour, tuyến du lịch văn hóa đến các vùng, miền có sản phẩm đặc trưng, tiêu biểu, như: Sâm Việt Nam, trà, cà phê, gốm, sứ, mây, tre...và đưa ý nghĩa văn hóa, lịch sử vào sản phẩm để gia tăng giá trị cho hàng hóa, dịch vụ nhằm quảng bá thương hiệu quốc gia.

- Tăng cường các sản phẩm công nghiệp văn hóa tại các khu, điểm du lịch gắn với hoạt động thể thao và giải trí dựa trên khai thác văn hóa bản địa của từng địa phương; quản lý hoạt động, dịch vụ tại các khu vui chơi, giải trí ban đêm, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn, đúng quy định.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

2. Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược; chỉ đạo, phát huy vai trò của cơ quan đầu mối trong định hướng, hướng dẫn các cơ quan liên quan, địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Chiến lược.

b) Chủ trì, phối hợp để xây dựng, hoàn thiện, đề xuất các cơ chế, chính sách cần thiết, phù hợp và rà soát, xây dựng cơ chế phối hợp, liên kết hiệu quả phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí.

c) Chủ trì xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật đối với các lĩnh vực công nghiệp văn hóa do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trực tiếp quản lý.

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Công an, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Công Thương, các cơ quan liên quan và các địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu về các ngành công nghiệp văn hóa, đồng thời tích hợp đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia; xây dựng bộ chỉ tiêu thống kê về các ngành công nghiệp văn hóa và thống kê đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa đối với phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật.

đ) Thường xuyên theo dõi, đôn đốc và tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược; định kỳ hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức sơ kết (2 - 3 năm), tổng kết (5 năm) đánh giá hiệu quả triển khai thực hiện Chiến lược, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Kịp thời đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Chiến lược nếu cần thiết.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ cấp quốc gia về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam; đẩy mạnh chuyển đổi số, hình thành hệ thống dữ liệu trực tuyến cho các ngành công nghiệp văn hóa.

3. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản hóa thủ tục xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp văn hóa; triển khai hoạt động phát triển thị trường cho sản phẩm thủ công mỹ nghệ, thiết kế sáng tạo. Khẩn trương triển khai xây dựng các sản phẩm công nghiệp văn hóa gắn với thực hiện Chương trình "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" đồng bộ trong cả nước.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất, các không gian công cộng phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa; tiếp tục triển khai Chương trình quốc gia "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP) và thực hiện tốt các tiêu chí về văn hóa, tăng trưởng xanh và bền vững. Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chủ động triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược.

5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng khung pháp lý đối với tài sản ảo và các tổ chức cung ứng dịch vụ tài sản ảo. Bố trí kinh phí thực hiện Chiến lược theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định pháp luật liên quan. Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổng hợp đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách về đầu tư, thuế cho các ngành công nghiệp văn hóa; hỗ trợ triển khai thống kê về các ngành công nghiệp văn hóa.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai các đề án, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao ở trong và ngoài nước cho các ngành công nghiệp văn hóa; triển khai các đề án, chương trình kết nối giữa cơ sở đào tạo và các tổ chức, doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp văn hóa.

7. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương đề xuất việc khuyến khích xây dựng các công trình có thiết kế khai thác yếu tố văn hóa truyền thống, thân thiện với môi trường và hướng dẫn khai thác, sử dụng các công trình kiến trúc.

8. Bộ Công an rà soát, ban hành văn bản hướng dẫn để tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản hóa thủ tục xuất nhập cảnh, thông quan các thiết bị, sản phẩm công nghiệp văn hóa theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

9. Bộ Ngoại giao nghiên cứu, tham mưu về chính sách ngoại giao văn hóa, tổ chức các hoạt động ngoại giao văn hóa ở trong nước và nước ngoài gắn với phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí. Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chủ động triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược.

10. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các ngân hàng thương mại nghiên cứu, phát triển đa dạng các sản phẩm tín dụng, dịch vụ ngân hàng để góp phần phát triển các ngành công nghiệp văn hóa phù hợp với quy mô, đặc thù và khả năng của từng ngân hàng

11. Thanh tra Chính phủ phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thanh tra, kiểm tra, giám sát và hướng dẫn thực hiện các quy định liên quan đến phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và quy định pháp luật.

12. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

a) Quán triệt, nâng cao hơn nữa nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy Đảng, chính quyền; đẩy nhanh hơn nữa cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số; rà soát, đơn giản hóa các quy định kinh doanh, điều kiện kinh doanh; thực hiện hiệu quả phân cấp, phân quyền theo quy định của Chính phủ để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực chất.

b) Chủ động rà soát, tham mưu trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản pháp luật cần thiết để hỗ trợ, khuyến khích và thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí.

c) Phối hợp chặt chẽ với các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công Thương; Xây dựng; Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Chiến lược.

13. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam.

b) Phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đặc biệt là người đứng đầu trong mô hình chính quyền địa phương mới (2 cấp) để chủ động phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể để chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược phù hợp với điều kiện, tiềm năng, lợi thế của địa phương.

c) Ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất các cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát triển các ngành công nghiệp văn hóa; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Chủ động cân đối, bố trí nguồn ngân sách, nguồn lực theo thẩm quyền để ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí tại địa phương; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư, tham gia vào các hoạt động liên quan đến công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí.

đ) Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ động có kế hoạch và triển khai bố trí quỹ đất, hỗ trợ các không gian sáng tạo, trung tâm công nghiệp văn hóa tại địa phương.

e) Chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan để quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ, thúc đẩy các hoạt động phát triển công nghiệp giải trí phù hợp tại địa phương.

14. Các Hội, Hiệp hội, tổ chức có liên quan đến các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí chủ động phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò kết nối cộng đồng doanh nghiệp; thúc đẩy, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nghiên cứu, sáng tạo, sản xuất các sản phẩm công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật của công chúng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu. Tích cực tổ chức, tham gia các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại nhằm tôn vinh các sản phẩm công nghiệp văn hóa của Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg và các PTTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KGVX (2).65

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Quyết định số 2486 /QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
I	**VĂN BẢN PHÁP LUẬT**					
1	Luật Báo chí (sửa đổi)	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2025	Quốc hội	Luật
2	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2025 - 2026	Quốc hội	Luật
3	Luật nghệ thuật biểu diễn	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Quốc hội	Luật
4	Luật Bản quyền tác giả	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Quốc hội	Luật
5	Nghị định của Chính phủ quy định về khuyến khích phát triển văn học	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2025	Chính phủ	Nghị định
6	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 về hoạt động mỹ thuật	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2025 - 2026	Chính phủ	Nghị định
7	Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2025 - 2026	Chính phủ	Nghị định

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
II	**ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, KẾ HOẠCH CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, TỈNH/THÀNH PHỐ**					
1	Đề án về phát triển công nghiệp giải trí Việt Nam	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2025 - 2026	Chính phủ	Đề án
2	Đề án thí điểm mô hình khu, tổ hợp công nghiệp văn hóa, sáng tạo với hạ tầng cơ sở đồng bộ tại một số thành phố lớn	UBND cấp tỉnh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Cấp tỉnh	Đề án
3	Đề án xây dựng chỉ tiêu thống kê quốc gia về các ngành công nghiệp văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2025	Bộ	Đề án
4	Đề án xây dựng chương trình thương hiệu quốc gia cho các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2025 - 2026	Bộ	Đề án
5	Đề án đề xuất cơ chế ưu đãi trong hợp tác đầu tư sản xuất, phát hành và phổ biến phim	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2025 - 2026	Bộ	Đề án
6	Đề án tôn vinh, thúc đẩy phát triển các sản phẩm công nghiệp văn hóa chất lượng cao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2026 - 2028	Bộ	Đề án
7	Đề án đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển và phát hành các game có nội dung lồng ghép các giá trị văn hoá, lịch sử, con người Việt Nam	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2026 - 2028	Bộ	Đề án
8	Đề án đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đối với các lĩnh vực do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Bộ	Đề án

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
9	Đề án đặt hàng, hỗ trợ các cơ quan phát thanh, truyền hình sản xuất, đăng, phát các chương trình có nội dung quảng bá công nghiệp văn hóa, lan tỏa giá trị văn hóa trên các kênh phát thanh, truyền hình, ứng dụng Internet, nền tảng số, mạng xã hội, trang thông tin điện tử…	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Bộ	Đề án
10	Đề án xây dựng Bộ nhận diện Văn hóa Quốc gia cho các ngành hàng xuất khẩu chủ lực	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Bộ	Đề án
11	Đề án xây dựng hệ thống phần mềm phát hiện chống vi phạm bản quyền trên không gian mạng và trong môi trường kỹ thuật số	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Bộ	Đề án
12	Đề án xây dựng trường quay với trang thiết bị kỹ thuật hiện đại	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND cấp tỉnh Các cơ quan liên quan,	2026 - 2030	Bộ	Đề án
13	Đề án hình thành sàn giao dịch quyền tác giả, quyền liên quan đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học để khuyến khích các sáng tạo về công nghiệp văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2026 - 2035	Bộ	Đề án
14	Đề án hình thành sàn giao dịch thương mại cho các sản phẩm văn hóa và công nghiệp văn hóa	Bộ Công Thương	UBND cấp tỉnh Các cơ quan liên quan,	2026 - 2030	Bộ	Đề án
15	Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghiệp văn hóa	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Bộ	Đề án

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
16	Dự án triển khai Bộ chỉ tiêu thống kê về các ngành công nghiệp văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Bộ	Dự án
17	Dự án cơ sở dữ liệu về các ngành công nghiệp văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Bộ	Dự án
18	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm chiếu phim tại miền Trung, miền Nam	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Bộ	Dự án
19	Dự án hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp, kết nối để hướng dẫn tiếp cận gói hỗ trợ ưu đãi về công nghiệp văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Bộ	Dự án
20	Dự án xây dựng và vận hành "Trung tâm công nghiệp văn hóa" tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2028 - 2030	Bộ	Dự án
21	Dự án xây dựng và triển khai Chương trình nghiên cứu cấp quốc gia về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam gắn với phát triển bền vững đất nước	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Bộ	Dự án
22	Kế hoạch triển khai Đề án Phát triển các loại hình dịch vụ, sản phẩm y dược cổ truyền phục vụ khách du lịch đến năm 2030	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan	Hàng năm	Bộ	Kế hoạch
23	Kế hoạch triển khai quảng bá thương hiệu các sản phẩm công nghiệp văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	Hàng năm	Bộ	Kế hoạch

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
24	Kế hoạch triển khai tuần lễ trưng bày, triển lãm quảng bá và giới thiệu thành tựu của các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam gắn với các hoạt động xúc tiến thương mại	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	Hàng năm	Bộ	Kế hoạch
25	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ các nhà biên kịch, đạo diễn, quản lý, sản xuất, phát hành, kỹ thuật, công nghệ,… trong các ngành công nghiệp văn hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan liên quan	2025 - 2030	Bộ	Kế hoạch
26	Kế hoạch đẩy mạnh quảng bá các ngành công nghiệp văn hóa của Việt Nam ra thế giới	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2026 - 2030	Bộ	Kế hoạch